TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM- CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG PLEIKU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 325 /TB-CHKPK

Pleiku, ngày 26 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ
V/v: Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ 06 tháng đầu năm 2026 cho 02 xe cứu hỏa tại Cảng hàng không Pleiku

Cảng hàng không Pleiku tổ chức mời chào giá hạn chế hạng mục "*Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ 06 tháng đầu năm 2026 cho 02 xe cứu hỏa tại Cảng hàng không Pleiku*". Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi báo giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về báo giá:

- Yêu cầu đối với hàng hóa, dịch vụ:

Stt	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	**Xe cứu hỏa Rosenbauer**			
1	Lọc dầu động cơ P/N: 1R1808	Cái	02	
2	Mỡ bôi trơn P/N: 86896A	Hộp	0,5	
3	Mỡ chống oxy hóa dùng cho lăng phun (Grease, water-repellent) P/N: 055458	Kg	0,5	
4	Nhớt hộp số bơm mồi (Priming Pump gearbox oil) P/N: SAE 15W-40	Lít	02	
5	Nhớt bơm mồi (Priming Pump oil) P/N: SAE 15W-40	Lít	02	
6	Nhớt động cơ (Engine oil) P/N: SAE 15W-40	Lít	41	
7	Dung dịch làm mát động cơ P/N: CAT EC-1 (50/50%) 205-6613v	Lít	10	
8	Chi phí lắp đặt, thay thế, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra, đánh giá toàn bộ xe và báo cáo đánh giá do kỹ sư Hãng và kỹ sư bậc cao của công ty được hãng đào tạo thực hiện (bao gồm chi phí đi lại, lưu trú,	Gói	01	

	chi phí sử dụng phần mềm, công cụ, dụng cụ để thực hiện các công việc như trên)			
II	**Xe cứu hỏa E-One Titan**			
1	Lọc nhớt động cơ P/N: Donaldson P551670	Cái	01	
2	Mỡ bôi trơn P/N: 86896A	Hộp	0,5	
3	Mỡ chống oxy hóa dùng cho lăng phun (Grease, water-repellent) P/N: 055458	Kg	0,5	
4	Nhớt động cơ P/N: SAE 15W-40	Lít	30	
5	Dung dịch làm mát động cơ P/N: CAT EC-1 (50/50%) 205-6613v	Lít	10	
6	Chi phí lắp đặt, thay thế, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra, đánh giá toàn bộ xe	Gói	01	

- Nội dung bảo dưỡng định kỳ 06 tháng theo file đính kèm.
- Vật tư mới 100% chưa qua sử dụng, đúng số lượng, chủng loại.
- Có đầy đủ CO, CQ của các vật tư nhập khẩu.
- Chịu trách nhiệm bảo hành 06 tháng các hư hỏng do lỗi vật tư và phần công việc thực hiện.
- Thời gian thực hiện: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Giá: Đề nghị chào giá trọn gói, bao gồm toàn bộ chi phí vật tư, thuế VAT và chi phí thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tại Cảng hàng không Pleiku. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.
- Thanh toán:

+ Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

+ Điều kiện thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày sau khi Bên bán nộp đầy đủ chứng từ quy định sau cho Bên mua:

- ➤ Biên bản bàn giao nghiệm thu
- ➤ Biên bản thanh lý hợp đồng
- ➤ Hoá đơn tài chính

- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ thời điểm báo giá.
- Báo giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị, đóng dấu (nếu có).

2. Thời hạn, địa điểm gửi báo giá

- Thời hạn gửi báo giá: Bắt đầu nhận báo giá từ ngày 26 / 05 /2026 đến trước 16 giờ 00 ngày 02 / 06 /2026.

- Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận báo giá hoặc gửi fax, email (scan file .PDF).

- Địa điểm nhận báo giá:
  - Địa chỉ: Cảng hàng không Pleiku, đường 17/3, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai.
  - Fax: 02693.825096
  - Email: vanthu.pxu@acv.vn

3. Thông tin liên hệ

- Đội Kỹ thuật - Cảng hàng không Pleiku
- Số điện thoại: 098.463.3211
- Người liên hệ: Vũ Viết Thanh

4. Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Cảng hàng không Pleiku và Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N:0311638525-015-C.T.C.P
CẢNG HÀNG KHÔNG PLEIKU-CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM -CTCP
TỈNH GIA LAI

Nguyễn Đình Hưng

NỘI DUNG BẢO DƯỠNG XE CHỮA CHÁY

TT *No*	NỘI DUNG BẢO DƯỠNG *MAINTENANCE TASKS*	CHU KỲ BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ *MAINTENANCE LEVEL*							
		01 Tháng		03 Tháng		06 Tháng		12 Tháng	
I.	**Phần đặc chủng/ *Specialized Device***								
1.	**Động cơ và nền xe / *Engine and vehicle***								
1.1.	Các đường khí nén	I		I		I		I	
1.2.	Rò rỉ chất lỏng dưới gầm xe	I		I		I		I	
1.3.	Rò rỉ chất lỏng, dầu, nước làm mát	I		I		I		I	
1.4.	Hư hỏng thấy được dưới gầm xe	I		I		I		I	
1.5.	Momen xoắn khung xe	I		I		I		I	
1.6.	Bulong ghép khung xe	I		I		I		I	
1.7.	Tình trạng thắt chặt và hư hỏng của các thiết bị hỗ trợ	I		I		I		I	
1.8.	Những hư hỏng và bụi bẩn hệ thống chiếu sáng, vệ sinh nếu cần	I		I		I		I	
1.9.	Tình trạng hư hỏng của mô tơ gạt nước kính chắn gió và chổi gạt nước, mô tơ gạt nước và chổi gạt nước kính vòi phun	I		I		I		I	
1.10.	Chức năng mô tơ gạt nước và chổi gạt nước	I		I		I		I	
1.11.	Mực chất lỏng rửa kính	I		I		I		I	
1.12.	Tình trạng an toàn của các cửa	I		I		I		I	
1.13.	Rò rỉ dầu tại những bánh răng hành tinh	I		I		I		I	
1.14.	Kiểm tra các bộ phận treo cầu xe	I		I		I		I	
1.15.	Hư hỏng các ống phanh và các xy lanh phanh	I		I		I		I	
1.16.	Những hư hỏng các lốp xe	I		I		I		I	
1.17.	Những vết phồng trên lốp và áp suất đúng của lốp	I		I		I		I	

1.18.	Kiểm tra tình trạng lỏng và mất bulong bánh xe và bulong mâm xe	I		I		I		I	
1.19.	Kiểm tra tình trạng an toàn bình ắc qui, dây điện , vỏ bình ăc qui	I		I		I		I	
1.20.	Kiểm tra mức dầu trợ lực lái trong bình chứa	I		I		I		I	
1.21.	Kiểm tra mức dầu bôi trơn động cơ	I		I		I		I	
1.22.	Kiểm tra tình trạng lỏng các kết nối, rò rỉ và cặn bẩn của động cơ	I		I		I		I	
1.23.	Kiểm tra hệ thống khí xả	I		I		I		I	
1.24.	Kiểm tra bộ lọc tách nước nhiên liệu, xả nếu có nước	I&D		I&D		I&D		I&D	
1.25.	Kiểm tra sự đổi màu của bát lọc tách nước	I		I		I		I	
1.26.	Tình trạng an toàn của rắc cắm nguồn	I		I		I		I	
1.27.	Kiểm tra bụi bẩn, đóng cặn, rò rỉ bên ngoài của két giải nhiệt và két làm mát	I&C		I&C		I&C		I&C	
1.28.	Kiểm tra hư hỏng và bụi bẩn, đóng cặn của đường ống hút két giải nhiệt và két làm mát	I		I		I		I	
1.29.	Kiểm tra tình trạng an toàn của nắp thùng nhiên liệu/Fuel tank cap for safe condition	I		I		I		I	
1.30.	Kiểm tra chỉ số báo bụi bẩn trên lọc gió	I		I		I		I	
1.31.	Kiểm tra tình trạng của quạt sưởi và quạt lạnh	I		I		I		I	
1.32.	Kiểm tra chức năng camera và âm thanh cảnh báo khi lùi xe	I		I		I		I	
1.33.	Kiểm tra tình trạng hoại động của máy lạnh sau ít nhất 10 phút hoạt động	I		I		I		I	
1.34.	Kiểm tra các đường ống và các kẹp ống	I		I		I		I	
1.35.	Kiểm tra dây cuaroa động cơ	I		I		I		I	
1.36.	Kiểm tra máy phát điện và bình ắc qui	I		I		I		I	
1.37.	Kiểm tra dầu hộp số	I		I		I		I	

1.38.	Kiểm tra hệ thống treo	I		I		I		I	
1.39.	Kiểm tra dầu cầu	I		I		I		I	
1.40.	Kiểm tra bộ bôi trơn trung tâm của cầu xe	I		I		I		I	
1.41.	Kiểm tra lực siết các bulong bánh xe và mâm xe	I		I		I		I	
1.42.	Kiểm tra bộ xả hơi	I		I		I		I	
1.43.	Kiểm tra trống phanh và má phanh	I		I		I		I	
1.44.	Kiểm tra hệ thống lái	I		I		I		I	
1.45.	Kiểm tra mức dầu lái trong bình chứa	I		I		I		I	
1.46.	Xả đáy bình chứa khí nén	D		D		D		D	
1.47.	Kiểm tra chống đông hệ thống làm mát	I		I		I		I	
1.48.	Kiểm tra kết nối của các đường ống dầu thủy lực	I		I		I		I	
1.49.	Kiểm tra lớp phủ chống rỉ sét dưới gầm và khoang	I		I		I		I	
1.50.	Kiểm tra sự gắn chặt và chức năng hoạt động của các ống khí (phuộc nhún)	I		I		I		I	
1.51.	Bơm mỡ các chốt của hệ thống lái	L		L		L		L	
1.52.	Bôi trơn thanh ray và các trục cardan	L		L		L		L	
1.53.	Thay nhớt động cơ và lọc nhớt động cơ	I		R		I		R	
1.54.	Thay lọc thông hơi động cơ	I		R		I		R	
1.55.	Thay thế hộp hút ẩm của bộ phận sấy khí	I		R		I		R	
1.56.	Thay lọc nhiên liệu tinh	I		R		I		R	
1.57.	Thay bộ lọc tách nước	I		I		I		R	
1.58.	Thay lọc gió	I		I		I		R	
1.59.	Thay dầu hộp số	I		I		I		R	
1.60.	Thay dầu cầu	I		I		I		R	
1.61.	Thay dầu lái	I		I		I		R	
1.62.	Thay nước làm mát	I		I		I		R	
1.63.	Thay chổi gạt nước	I		R		I		R	

1.64.	Thay dây cuaroa	I		I		I		R	
2.	**Các bộ phận chuyên dùng và hệ thống công tác đặc chủng/specialized working system**								
2.1.	- Guồng bơm	I		I		I		I	
2.2.	- Hộp truyền động bơm	I		I		I		I	
2.3.	- Nhớt hộp truyền động bơm	I		R		I		R	
2.4.	- Bơm mồi/ priming pump	R		R		R		R	
2.5.	- Van một chiều bơm mồi	M		M		M		M	
2.6.	- Dây cuaroa bơm mồi	I		I		I		R	
2.7.	- Trục truyền động bơm	I		I		I		I	
2.8.	- Lọc tách nước khối van hơi	C		C		C		C	
2.9.	- Cực dương	I		I		I		I	
2.10.	- Bồn chứa nước	I		D		I		D	
2.11.	- Bồn chứa foam	I		I		I		D	
2.12.	- Bồn chứa bột	I		I		I		I	
2.13.	- Các đường ống nước, ống foam	I		I		I		I	
2.14.	- Hệ thống van tay, van điện đóng mở đường ống	I		I		I		I	
2.15.	- Hệ thống van chia tỷ lệ	I		I		I		I	
2.16.	- Các đường ống dẫn hơi	I		I		I		I	
2.17.	- Các đầu ống kết nối với bên ngoài	I		I		I		I	
2.18.	- Các công tắc điều khiển	I		I		I		I	
2.19.	- Hệ thống các đồng hồ, phao chỉ báo	I		I		I		I	
2.20.	- Các vòi phun trên nóc, trước cabin, hai bên hông	I		I		I		I	
2.21.	- Hệ thống phun nước	I		I		I		I	
2.22.	- Hệ thống trộn foam	I		I		I		I	
2.23.	- Hệ thống phun bột	I		I		I		I	
2.24.	- Áp suất phun nước	I		I		I		I	

2.25.	- Áp suất của hệ thống bột	I		I		I		I	
2.26.	- Hệ thống cài PTO	I		I		I		I	
2.27.	- Hệ thống báo động	I		I		I		I	
2.28.	- Tình trạng an toàn các cửa khoang								
1.	**Các thiết bị an toàn/ *Safety equipment***								
11.1.	- Công tắc khẩn cấp (nếu có)	I		I		I		I	
11.2.	- Đèn quay	I		I		I		I	

Giải thích :

- I (*Inspection*) : Kiểm tra nếu phát hiện hư hỏng thì sửa chữa hoặc thay thế
- I* (*Release for inspection*) : Tháo, kiểm tra nếu phát hiện hư hỏng thì sửa chữa hoặc thay thế
- T (*Tighten*) : Siết chặt
- A (*Adjust*): cân chỉnh
- D (*Drain*) : Xả cặn
- R (*Replace*) : Thay mới
- L (*Lubrication*) : Kiểm tra, bôi trơn hoặc bơm mỡ
- C (*Clean*) : Kiểm tra, làm sạch nếu phát hiện hư hỏng thì sửa chữa hoặc thay thế
- M (*Measure*) : Đo hoặc kiểm tra thông số và ghi kết quả kiểm tra (*measuring and recording into the form*).

Các hạng mục khác (other items): Đánh dấu ✓nếu đạt; dấu X nếu không đạt và phải ghi nhận vào phần ghi chú kết quả khắc phục.